**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo văn bản Số: 35/CV-BVSK, số ngày 08 tháng 06 năm 2023, của Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Thái Bình)*

**BÁO GIÁ HÀNG HOÁ**

Kính gửi: Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Thái Bình

Chúng tôi, Công ty (Tên Đơn vị) ……., có địa chỉ tại: …..

Chúng tôi cam kết là đơn vị có tư cách pháp nhân độc lập, được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý trang thiết bị y tế.

Căn cứ danh mục hàng hoá đề nghị báo giá của Quý Cơ quan, Chúng tôi báo giá đơn giá hàng hoá như sau:

| **STT** | **Danh mục hàng hóa** | **Tên thương mại, model / kỹ mã hiệu** | **Hãng/nước sản xuất** | **Giấy ĐKLH hoặc GPNK**  **(nếu có)** | **Đặc tính, cấu hình và thông số kỹ thuật chi tiết** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá**  **VNĐ** | **Khả năng cung cấp hàng hóa của nhà thầu (số lượng tối đa và thời gian cung cấp tối đa)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **DANH MỤC HÓA CHẤT** | | |  |  |  |  |  |  |
|  | Hóa chất sử dụng: xác định định lượng Bilirubin trực tiếp ở huyết thanh và huyết tương người |  |  |  | - Khoảng đo: 0.1-20 mg/dl. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 | ml | 1.400 |  |  |
|  | Hóa chất sử dụng: xác định định lượng Bilirubin toàn phần ở huyết thanh và huyết tương người |  |  |  | - Khoảng đo: 0.1-40 mg/dl .Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 | ml | 1.400 |  |  |
|  | Hóa chất sử dụng: xác định định lượng Cholesterol ở huyết thanh. huyết tương người |  |  |  | Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Khoảng đo: 4-750 mg/dl (0.104-19.3 mmol/l). | ml | 6.700 |  |  |
|  | Hóa chất sử dụng: xác định định lượng Creatinine ở huyết thanh. huyết tương và nước tiểu người. |  |  |  | Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Khoảng đo: 0.1-20 mg/dl | ml | 3.528 |  |  |
|  | Hóa chất sử dụng: xác định định lượng GGT ở huyết thanh. huyết tương người |  |  |  | Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Khoảng đo: 4 - 290 U/l | ml | 3.024 |  |  |
|  | Hóa chất sử dụng: xác định định lượng Glucose ở huyết thanh. huyết tương người. |  |  |  | Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485  - Khoảng đo: 7-700 mg/dl | ml | 6.048 |  |  |
|  | Hóa chất sử dụng: xác định định lượng Triglycerides ở huyết thanh và huyết tương người |  |  |  | Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Khoảng đo: 10-1000 mg/dl | ml | 6.030 |  |  |
|  | Hóa chất sử dụng: xác định định lượng Urea ở huyết thanh. huyết tương và nước tiểu người |  |  |  | 'Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485  - Khoảng đo: 3-400 mg/dl | ml | 3.528 |  |  |
|  | Hóa chất sử dụng: xác định định lượng Uric acid ở huyết thanh. huyết tương và nước tiểu người |  |  |  | ' Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485  - Khoảng đo: 0.25-30 mg/dl | ml | 3.528 |  |  |
|  | Hóa chất sử dụng: xác định định lượng GOT (ASAT) ở huyết thanh. huyết tương người. |  |  |  | ' Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485  - Khoảng đo: 5-700 U/l | ml | 6.048 |  |  |
|  | Hóa chất sử dụng: xác định định lượng GPT (ALAT) ở huyết thanh. huyết tương người |  |  |  | - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485  - Khoảng đo: 5-700 U/l | ml | 6.048 |  |  |
|  | Hóa chất sử dụng: xác định định lượng HbA1c ở huyết thanh người |  |  |  | Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485  - Khoảng đo: 2 – 16% | ml | 210 |  |  |
|  | Hóa chất sử dụng: xác định định lượng HDL-Cholesterol ở huyết thanh người |  |  |  | - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485   Khoảng đo: 0.9 – 180 mg/dl | ml | 3.360 |  |  |
|  | Hóa chất sử dụng: xác định định lượng LDL-Cholesterol ở huyết thanh người |  |  |  | Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485  - Khoảng đo: 1-400 mg/dl | ml | 1.680 |  |  |
|  | Hóa chất sử dụng: xác định định lượng Albumin ở huyết thanh và huyết tương người |  |  |  | Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485  - Khoảng đo: 0.15 - 8 g/dl | ml | 4.690 |  |  |
|  | Hóa chất sử dụng: xác định định lượng Protein toàn phần ở huyết thanh và huyết tương người |  |  |  | -Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485  - Khoảng đo: 0.2 - 12 g/dl | ml | 3.528 |  |  |
|  | Hoá chất chuẩn chung cho các xét nghiệm sinh hoá , sử dụng để hiệu chuẩn các xét nghiệm trên máy sinh hóa |  |  |  | - Dạng đông khô - Sản xuất từ huyết thanh người. | ml | 24 |  |  |
|  | Hoá chất kiểm tra cho đa xét nghiệm sinh hoá mức 2 được sử dụng như huyết thanh kiểm chuẩn cho quy trình nội kiếm phòng xét nghiệm y học. |  |  |  | - Mục đích sử dụng: huyết thanh kiểm soát chất lượng - Dạng đông khô - Sản xuất từ huyết thanh người | ml | 40 |  |  |
|  | Hoá chất kiểm tra cho đa xét nghiệm sinh hoá mức 3 được sử dụng như huyết thanh kiểm chuẩn cho quy trình nội kiếm phòng xét nghiệm y học. |  |  |  | - Dạng đông khô  - Sản xuất từ huyết thanh người, đã khử fibrin | ml | 40 |  |  |
|  | Hóa chất hiệu chuản HbA1c Calibration dùng để Thiết lập đường cong tham chiếu để xác định định lượng HbA1c trong máu người |  |  |  | - Thành phần: Hồng cầu người, và Chất ổn định - Dạng đông khô | ml | 4 |  |  |
|  | HbA1c Control Low sử dụng: Kiểm soát độ chính xác của xét nghiệm HbA1c trong máu người |  |  |  | - Thành phần: Hồng cầu người, dạng đông khô và ổn định | ml | 1 |  |  |
|  | HbA1c Control High sử dụng: Kiểm soát độ chính xác của xét nghiệm HbA1c |  |  |  | - Thành phần: Hồng cầu người, đông khô và ổn định | ml | 1 |  |  |
|  | - Dung dịch rửa máy sinh hoá số 1 Dung dịch tẩy rửa có tính axit để làm sạch các quá trình trên máy phân tích sinh hóa |  |  |  | Thành phần: Oxalic acid; Citric acid ; PEG | ml | 2.345 |  |  |
|  | ' Dung dịch rửa máy sinh hoá số 2 Dung dịch tẩy rửa có tính kiềm để làm sạch các quá trình trên máy phân tích sinh hóa |  |  |  | Thành phần: 2-Aminoethanoll; natrisulfit; EDTA-Na Nonionic detergent | ml | 2.275 |  |  |
|  | Hóa chất chất pha loãng, là một loại dung dịch đệm để pha loãng các tế bào và ngăn ngừa sự tích tụ. Sử dụng cho máy huyết học |  |  |  | Nồng độ thẩm thấu, cường độ ion và độ dẫn điện của nó có thể giúp duy trì tính toàn vẹn và thể tích của tế bào. Trạng thái vật lí: chất lỏng | lit | 120 |  |  |
|  | Hóa chất không chứa trinitride và xyanua có chức năng ly giải các tế bào hồng cầu ngay lập tức và giải phóng huyết sắc tố để bảo vệ số lượng hồng cầu khỏi bị ảnh hưởng bởi các mảnh hồng cầu.Sử dụng cho máy huyết học |  |  |  | tác dụng chuyển đổi huyết sắc tố thành hợp chất hemo có màu ổn định để phát hiện nồng độ của huyết sắc tố. Thuốc thử có thể bảo quản nguyên vẹn của nhân bạch cầu để đếm và phân loại bạch cầu. | lít | 6.000 |  |  |
|  | Hóa chất ly giải các hồng cầu để tạo thành các tế bào ma không làm tán xạ tia laser Sử dụng cho máy huyết học |  |  |  | Là một loại dung dịch đệm, giúp các tế bào hình thành dòng chảy đồng nhất và tránh tổng hợp. Nồng độ thẩm thấu và cường độ ion của nó có thể giữ cho tính tích hợp và lượng bạch cầu.  ánh sáng để tránh ảnh hưởng đến phép đo WBC. Vỏ bọc phục vụ như một chất lỏng để hình cầu hóa các bạch cầu và giữ đặc tính phân tán của chúng. Nó cũng có tác dụng làm ẩm để ngăn chặn sự tích tụ của không khí bong bóng trong hệ thống dòng chảy WOC. | lit | 120 |  |  |
|  | Chất tẩy rửa sẽ không tạo màu, làm hỏng đường ống dẫn và rút ngắn thời gian sử dụng của dụng cụ. Sử dụng cho máy huyết học |  |  |  | Với các chức năng nhũ hóa và xúc tác, Chất tẩy rửa có thể nhũ hóa chất béo, phân phối chất bẩn đông đặc và biến protein thành axit amin hòa tan trong nước để duy trì sự sạch sẽ của đường ống và flow-cell. Với khả năng tạo ẩm hiệu quả, nó cũng có thể xả bong bóng trong toàn bộ hệ thống dòng chảy và đảm bảo hiệu suất làm việc bình thường. Trong khi đó, | lit | 120 |  |  |
| **II** | **PHẦN TEST NHANH CHẨN ĐOÁN** | | |  |  |  |  |  |  |
|  | Test nhanh Phát hiện α-feto protein (AFP) trong huyết thanh, huyết tương người |  |  |  | - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: ≥99.2%; Giới hạn phát hiện: 20 ng/ml - Thành phần: Cộng hợp vàng - kháng thể thỏ kháng AFP; Vạch thử: Kháng thể Mc kháng AFP; Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG thỏ; Màng Nitrocellulose; Đệm cộng hợp; Đệm mẫu; Đệm hấp thụ. - Giới hạn phát hiện: 20 ng/ml | Test | 1.100 |  |  |
|  | Test nhanh Phát hiện kháng nguyên Carcinoembryonic (CEA) trong huyết thanh, huyết tương người |  |  |  | Phát hiện kháng nguyên Carcinoembryonic (CEA) trong huyết thanh, huyết tương người - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: ≥99.3% - Thành phần: Cộng hợp vàng - kháng thể thỏ kháng CEA; Vạch thử: Kháng thể Mc kháng CEA; Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG thỏ; Màng Nitrocellulose; Đệm cộng hợp; Đệm mẫu; Đệm hấp thụ. - Giới hạn phát hiện: 5 ng/ml | Test | 1.100 |  |  |
|  | Test nhanh Phát hiện kháng nguyên PSA trong huyết thanh, huyết tương người |  |  |  | Phát hiện kháng nguyên PSA trong huyết thanh, huyết tương người - Độ nhạy: ≥99%; Độ đặc hiệu: ≥99.5% - Thành phần: Cộng hợp vàng - kháng thể thỏ kháng PSA; Vạch thử: Kháng thể Mc kháng PSA; Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG thỏ; Màng Nitrocellulose; Đệm cộng hợp; Đệm mẫu; Đệm hấp thụ. - Giới hạn phát hiện: 3 ng/ml | Test | 1.100 |  |  |
|  | Que thử Xét nghiệm 10 thông số cơ bản của nước tiểu. |  |  |  | Xét nghiệm 10 thông số cơ bản của nước tiểu: Máu, đường, Bilirubin, pH, Protein, Ketone, Urobilinogen, Nitrit, Bạch cầu, tỉ trọng . Trên thanh thử có miếng dán (ID band) có tác dụng kích hoạt kiểm tra tự động | Test | 1.700 |  |  |
| **III** | **VẬT TƯ Y TẾ KHÁC** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Phim khô laser kích thước 8x10” (20x25cm) |  |  |  | Công nghệ phim khô laser . Kích cỡ: 8x10" (20x25cm) Độ ẩm 30 – 50 % R.- Phim in Laser nhạy cảm với tia hồng ngoại được sử dụng trong hệ thống máy in Laser Phim được phủ lớp nền xanh dương - Phim được thiết kế trên nền Polyester - Độ nhạy tối thiểu có thể in > 0 đến < 0.5 - Độ tương phản từ 0.6 đến 2.0 - Nhiệt độ lưu trữ ≤ 24°C . có tính năng kiểm soát chất lượng hình ảnh tự động, có thể lưu trữ hình ảnh đến 100 năm.- Bao gói: Màng nhôm | tấm | 1.000 |  |  |
|  | Giấy điện tim 12 cần |  |  |  | Giấy điện tim 12 cần, dạng tệp 210x140mm, quy cách 200 tờ,tệp. | Tệp | 30 |  |  |
|  | Giấy điện tim 6 cần |  |  |  | Dùng cho máy điện tim 6 cần. Kích thước 110mmx140mm. | Tệp | 20 |  |  |
|  | Giấy in kết quả siêu âm đen trắng |  |  |  | Kích thước 110mm x 20m, bảo quản từ 5-30˚C. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. | cuộn | 60 |  |  |
|  | Cáp điện tim sử dụng cho máy điện tim |  |  |  | Dây Cáp Máy Điện Tim dùng để thay thế cho dây cáp tiêu chuẩn của các dòng máy điện tim. Dây cáp kết nối máy điện tim với bệnh nhân để thực hiện đo ECG. Cáp ECG có 10 dây, chia thành từng nhóm riêng. Nhóm 6 dây cho điện cực trước ngực, nhóm 4 dây cho điện cực kẹp chi. Đầu cắm thiết kế vát cạnh, để tương thích với nhiều dòng máy ECG các hãng. | bộ | 5 |  |  |
|  | Gel siêu âm |  |  |  | Trong suốt, phù hợp với tần số siêu âm đang được sử dụng. Không có Formaldehyde. Vô khuẩn, không gây mẫn cảm hoặc rát da. | lit | 20 |  |  |
| **IV** | **MÁY NƯỚC TIỂU** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Máy xét nghiệm nước tiểu |  |  |  | - **Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 Chiếc**  - Phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm:  + Máy in nhiệt tích hợp bên trong: 01 chiếc  + Hộp que thử: 01 Hộp  + sách hướng dẫn sử dụng Anh  + Việt: 01 quyển  + Giấy in: 01 cuộn  +Thanh trượt : 01 chiếc  +Dây nguồn  + Adaptor: 01 bộ  - Tốc độ xét nghiệm: 60 mẫu/giờ -  Thông số đo chính : Bilirubin, Glucose, Ketone, Leukocytes, nitrite, pH, protein, SG, Urobilinogen, Blood  - Khả năng đo: Tỷ lệ Albumin/Creatinine (phát hiện biến chứng tổn thương thận), phát hiện hCG khi sử dụng que thử phù hợp  - Màn hình: Cảm ứng '- Lưu trữ: Kết quả được lưu trữ vào máy tính cá nhân hoặc nối mạng vào máy tính trung tâm qua kết nối cổng RS 232  '**- Máy in: máy in nhiệt đồng bộ tích hợp trên thân máy - Phương pháp đo: Phương pháp đo quang**  - Bước sóng: 470nm, 525nm, 565nm, 625nm, 660nm và 845nm  - Hiển thị: Hiển thị thời gian đọc kết quả trên màn hình  - Cài đặt: Cài đặt các dữ liệu bệnh nhân,kỹ thuật viên và các thông tin khác thông qua nhập dữ liệu trực tiếp trên màn hình  - Lựa chọn thông số đo: Lựa chọn thông số đo tùy theo loại que thử,đơn vị đo,đánh dấu kết quả bất thường  - Cảnh báo: Hiển thị lỗi trên màn hình  - Tính năng Autocheck: Có - Ăc quy/pin: Có thể sử dụng pin thay vì dùng điện nguồn trong trường hợp đi khám lưu động hoặc mất điện lưới  - Bộ nhớ trong: 950 kết quả xét nghiệm và 700 ID của người làm xét nghiệm |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ**  **( Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)** |

Đơn giá trên là trọn gói, đã bao gồm thuế GTGT, các loại thuế và các loại chi phí có liên quan theo quy định của Nhà nước để thực hiện gói thầu, hàng hoá được bàn giao, hướng dẫn sử dụng, nghiệm thu và bảo hành tại Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Thái Bình mà Chủ đầu tư không phải thanh toán thêm bất cứ khoản chi phí nào khác.

**Gửi kèm báo già là:**

1. Bản chụp Đăng ký kinh doanh của đơn vị (Đóng dấu treo của Công ty);

2. Bản chụp tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế (Đóng dấu treo của Công ty);

3. Báo giá này có hiệu lực tối đa 60 ngày kể từ ngày báo giá